TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2020
V/v ly hôn giữa
Chị H và anh A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Bích H**, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông **Trương Hoàng A**, sinh năm 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trương Hoàng A cưới nhau vào năm 1996, hôn nhân do tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2003 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, bà sống chung gia đình chồng, sau đó vợ chồng bà ở riêng. Theo bà, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà chửi và đánh bà, bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông A tính tình vẫn không thay đổi. Bà và ông A ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cả hai đều có thiện chí hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Trung H, sinh năm 1998 và cháu Trương Diệu H, sinh ngày 06/6/2006. Hiện bà đang nuôi dưỡng cháu H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H; không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trương Trung H đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Qúa trình chung sống bà và ông Trương Hoàng A có tạo lập tài sản chung gồm:

-Thửa đất số 910, diện tích 1.022,40m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BY 998804 cho bà Hạnh vào ngày 23/7/2015. Trên thửa đất này bà có xây dựng một căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 120 m^2. Bà yêu cầu chia đôi nhà và đất, bà xin nhận giá trị tài sản trên.

-Thửa đất số 911, diện tích 654m^2, tờ bản đồ số 3, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BY 998803 cho bà Hạnh vào ngày 23/7/2015. Bà yêu cầu chia đôi và bà xin nhận giá trị tài sản trên.

- Vàng miếng 02 lượng SJC và 03 chiếc nhẫn trị giá 05 chỉ vàng 9999. Bà yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Ngày 14/5/2020 và tại phiên tòa bà xác định xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nêu trên để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà Huỳnh Thị Bích H về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân. Qúa trình chung sống giữa ông và bà H có xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân là ông có uống rượu và cải vã với bà H nhiều lần. Mặt khác, do bà H mê tín dị đoan và bắt buộc ông làm theo những yêu cầu bà H đưa ra, ông không đồng ý nên bà H bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương bà H. Biện pháp hàn gắn của ông là thay đổi tính tình, cố gắng làm ăn và chăm lo cho vợ con.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Trung H, sinh năm 1998 và cháu Trương Diệu H, sinh ngày 06/6/2006. Hiện bà H đang nuôi dưỡng cháu H, nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì ông đồng ý cho bà H được tiếp tục nuôi cháu Trương Diệu H, ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Trương Trung H đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông và bà H sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Hoàng A. Ông Trương Hoàng A có nơi cư trú tại ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích H và ông Trương Hoàng A cưới nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà chửi và đánh bà, bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông A tính tình vẫn không thay đổi nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Trương Hoàng A.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông A đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông A uống rượu và cải vã với bà H nhiều lần nên bà H bỏ đi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đều cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả. Bà H cương quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông A. Ông A không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương bà H, do bà H mê tín dị đoan và bắt buộc ông làm theo những yêu cầu bà H đưa ra, ông không đồng ý nên mới yêu cầu ly hôn với ông. Ông Trương Hoàng A đưa ra biện pháp hàn gắn là thay đổi tính tình nhưng bà H vẫn không đồng ý đoàn tụ. Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông A là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích H.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà H và ông A có hai con chung tên Trương Trung H, sinh năm 1998 và cháu Trương Diệu H, sinh ngày 06/6/2006. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu H. Xét thấy, bà H yêu cầu nuôi cháu H, ông A đồng ý và nguyện vọng của cháu H là được sống cùng mẹ nên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Do bà Huỳnh Thị Bích H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

[2.4] Về nợ: Bà H và ông A đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho bà H.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích H về việc "Ly hôn" với ông Trương Hoàng A.

1.Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích H được ly hôn với ông Trương Hoàng A.

2. Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Bích H được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Trương Diệu H, sinh ngày 06/6/2006. Ông Trương Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích H về việc chia tài sản chung với ông Trương Hoàng A.

4. Hậu quả của việc đình chỉ: Bà Huỳnh Thị Bích H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008197 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Bích H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp 14.000.000đồng tại biên lai số 0008198 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung